

Đức Phật

Chương thứ nhất

Đức Phật Lịch sử

Tiết 1. Cuộc Đời Đức Phật

1. Thành Kapilavastu tọa lạc ở phía Nam của dãy núi Himalaya, bên cạnh dòng sông Rohini, đó là đô thành của dòng tộc Shakya. Đức vua Shuddhodana Gautama (Tịnh Phạn) cai trị thành này bằng đường lối chính trị ưu việt, được lòng muôn dân.

Vị hoàng hậu tên là Maya là công chúa con vua thành Devadaha vương triều Koliya cùng dòng tộc Shakya.

Hai mươi năm sau khi kết hôn mà mãi vẫn chưa có con, một đêm hoàng hậu nằm mơ thấy con voi trắng chui vào bụng từ hông bên phải của bà, và thế rồi bà thụ thai. Vua và thần dân trong nước háo hức chờ đợi một hoàng tử. Đến gần ngày lâm bồn, theo tục lệ, hoàng hậu trở về quê nhà để sinh. Trên đường, bà dừng chân nghỉ ngơi chốc lát ở vườn Lumbini (Lâm-tỳ-ni) trong nắng xuân êm dịu.

Cảnh vật chung quanh với bao hoa Ashoka đang khoe sắc. Trong tâm thế khoan thai, hoàng hậu đưa cánh tay phải lên vịn cành cây thì bà hạ sinh thái tử. Đất trời cất tiếng hoan ca chào mừng thái tử và hoàng hậu được mẹ tròn con vuông. Hôm đó là ngày mừng tám tháng tư.

Nhà vua Suddhodana Gautama vui mừng khôn xiết, liền đặt tên cho thái tử là Siddhartha (Tất-đạt-đa), có nghĩa là nguyện ước đã thành.

2. Nhưng hồi ôi, niềm vui chưa trọn thì nỗi buồn đã đến. Bảy ngày sau khi hạ sinh thái tử thì hoàng hậu Maya bỗng qua đời. Từ đó, em gái của hoàng hậu là di Mahaprajapati (Ma-ha-ba-xà-ba-đề) trở thành mẹ nuôi chăm sóc thái tử.

Bấy giờ, có vị tiên ông tên là Asita (A-tư-đà) đang ẩn tu trên núi gần thành. Nhìn thấy có điềm lành xuất hiện, ông bèn xuống thành tìm hiểu. Khi được nhìn thấy thái tử, tiên ông đoán rằng: “Đứa bé này về sau, nếu làm vua thì sẽ là vị chúa tể thống nhất thiên hạ, nếu xuất gia tu hành sẽ thành Phật cứu độ thế gian”.

Thoạt đầu, khi nghe lời tiên tri này nhà vua rất vui mừng, nhưng sau đó ông bắt đầu lo lắng về khả năng cậu con một của ông sẽ từ bỏ cung điện mà xuất gia tu hành.

Khi thái tử lên bảy tuổi thì bắt đầu được học cả văn lẫn võ, nhưng tư duy của cậu ấy thì có xu hướng khác. Vào một ngày xuân, khi theo cha ra ngoại thành xem nông dân cày ruộng, thái tử nhìn thấy cảnh con chim sà xuống đất bắt lấy côn trùng đã bị lưỡi cày của người nông dân xới lên. Thái tử ngồi xuống dưới một bóng cây, tư duy và nhủ thầm: “than ôi, các loài chúng sinh giết chóc lẫn nhau”.

Chào đời chẳng bao lâu thì mất mẹ, nay lại nhìn thấy cảnh chúng sanh giết chóc lẫn nhau, tình cảnh này sớm ghi lại nơi nội tâm của thái tử một nỗi buồn. Như cành cây non bị thương, thái tử càng lớn thì nỗi ưu tư về cuộc đời càng trở nên sâu sắc.

Đức Phật Lịch sử

Vua cha thấy thế càng thêm lo ngại, nghĩ đến lời tiên tri của vị tiên nhọn thuở trước, ông đã nghĩ mọi cách làm vui lòng thái tử và hướng tư duy của chàng sang hướng khác. Khi được 19 tuổi, vua liền kết hôn cho thái tử, người hôn phối là công chúa Yashodhara, con gái vua Suprabuddha, vua nước Devadaha, anh của hoàng hậu Maya.

3. Mười năm sau đó, tuy thái tử sống trong các cung điện hợp cho các mùa xuân, thu, mưa, nắng, ngập tràn những tiếng hát hò, những điệu múa ca. Nhưng lúc nào trong lòng chàng cũng mang một nỗi buồn, chàng luôn trầm tư, cố gắng tìm lời giải đáp về ý nghĩa chân thực của kiếp người.

Thái tử thâm nghĩ: “cung điện xa hoa này, tâm thân cường tráng này, sự trẻ trung được mọi người yêu mến này có ý nghĩa gì đối với ta? Con người ta đến một ngày nào đó, rồi cũng sẽ bệnh tật, rồi tuổi già sẽ đến, và rồi không thể tránh khỏi cái chết. Nghĩ cho cùng, niềm tự hào về sự trẻ trung, sự cường tráng và sự tồn tại này rốt cuộc có ý nghĩa gì?

“Con người ta, đấu tranh sinh tồn vốn dĩ là để tìm kiếm một giá trị nào đó. Sự tìm kiếm ấy có hai hướng, đó là tìm kiếm theo hướng sai và tìm kiếm theo hướng đúng. Nếu người ấy tìm kiếm theo hướng sai, dù biết rằng không thể tránh khỏi già, bệnh, chết, nhưng người ta vẫn đi tìm những điều ngược lại, tức mong mình không già, không bệnh, không chết.

“Nếu tìm kiếm theo hướng đúng, người ấy sẽ nhận ra bản

chất thật sự của già, của bệnh, của chết, và tìm kiếm cảnh giới vượt thoát khỏi mọi khổ não của nhân gian. Cuộc sống sung túc của ta hiện nay dường như đang tìm kiếm theo hướng sai.”

4. Thế rồi ngày qua ngày, thái tử cứ bị dẫn dắt bởi những nỗi khổ tâm ấy, cho đến năm 29 tuổi, khi đứa con trai duy nhất của chàng là Rahula (La-hầu-la) chào đời thì thái tử quyết chí xuất gia tìm đạo. Chàng rời hoàng cung cùng với người đánh xe tên Chandaka (Xa-nặc) và con ngựa trắng Kanthaka (Kiền-trắc).

Nỗi khổ tâm của chàng không chấm dứt, nhiều ác ma đến cám dỗ chàng mà nói rằng: Thái tử nên trở về hoàng cung, chẳng bao lâu nữa, cả thế giới này đều là của ngài”. Nhưng thái tử trả lời với ác ma rằng: “Này ác ma, tôi không muốn có mọi thứ nơi thế giới này”. Sau đó, chàng cắt tóc, rồi đi khất thực lần về phương nam.

Trước tiên, thái tử đến thăm tiên nơn Bhagava để chứng kiến lối tu khổ hạnh của vị này. Sau đó chàng còn tìm đến chỗ của tiên nơn Arada Kalama và Udraka Ramaputra để học cách tu hành giác ngộ bằng thiền định. Nhưng sau một thời gian thực hành, chàng biết chắc rằng những phương pháp này không dẫn đến giác ngộ được. Cuối cùng chàng đến nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và thực hành khổ hạnh tại rừng Uruvilva (Ưu-lâu-tần-loa) bên dòng sông Nairanjana (Ni-liên-thiền) chảy qua làng Gaya.

Đức Phật Lịch sử

5. Tại đây, ngài đã tu hành những lối tu vô cùng khổ hạnh. Sau này ngài có nói rằng: “không có ai trong quá khứ, trong hiện tại cũng như trong thời vị lai mà tu hành khổ hạnh một cách nghiêm ngặt như ta đã làm”.

Tuy nhiên, lối tu khổ hạnh này cũng không đưa đến mục đích mà thái tử đang tìm kiếm. Nên, sau sáu năm trong rừng, ngài đã từ bỏ khổ hạnh. Ngài đến tắm gội nơi dòng sông Nairanjana gần đó, và nhận bát sữa từ một thiếu nữ sống ở làng bên tên là Sujata. Năm vị tu sĩ cùng tu khổ hạnh suốt sáu năm với ngài ngỡ ngàng khi thấy ngài có thể nhận bát sữa từ một thôn nữ, họ nghĩ là ngài đã đọa lạc, nên đã bỏ ngài mà đi.

Thế rồi thái tử còn một mình. Sức khỏe dần qua cơn nguy kịch. Ngài tìm đến một gốc cây tĩnh lặng, quyết định thực hành con đường thiền định mới, với quyết tâm: “dù cho máu có cạn, thịt có nát, xương có tan, nếu ta không tìm ra con đường giác ngộ thì ta quyết không rời chỗ ngồi này”.

Đó là khoảng thời gian thái tử đã chiến đấu khốc liệt với chính nội tâm của mình. Sự tuyệt vọng, loạn tâm, bóng tối xâm chiếm cả tâm hồn ngài. Ngài đã bị các ác ma dụ hoặc. Một cách cẩn trọng và kiên nhẫn, ngài truy lùng chúng trong mọi ngóc ngách của tâm và lần lượt loại bỏ chúng. Đó thật sự là một cuộc chiến khốc liệt, thịt nát xương tan.

Tuy nhiên cuối cùng, trong một buổi sáng khi ánh mặt trời vừa xuất hiện ở phương đông thì cuộc chiến ấy được kết thúc. Tâm của ngài đã sáng. Ngài đã tìm ra con đường giác ngộ. Hôm đó là ngày mùng tám tháng mười hai. Thái tử đã

thành Phật, năm ngài 35 tuổi.

6. Từ đây, thái tử được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như: Phật-đà, bậc Vô Thượng Giác, Như Lai, Thích-ca Mâu-ni, Thích Tôn, hoặc Thế Tôn.

Trước tiên, đức Thích Tôn tìm đến Mrigadava (vườn Nai, Lộc Dã uyển) ở thành Varanasi (Ba-la-nại), chỗ của năm vị khát sĩ đã từng tu hành sáu năm khổ hạnh với ngài để giáo hoá họ. Ban đầu họ né tránh ngài, nhưng sau đó họ đã trò chuyện với ngài, họ tin ngài và trở thành những đệ tử đầu tiên của ngài. Sau đó, ngài đến thành Rajagriha (Vương xá) để giáo hoá cho vua Bimbisara (Tần-bà-sa-la), người bạn của ngài. Từ đây ngài đi hành khất và giáo hoá khắp nơi.

Người ta tìm đến ngài như thể là người khát mong nước, người đói mong cơm. Đặc biệt, trong đó có hai người mà sau này trở thành hai vị đại đệ tử, đó là Sariputra (Xá-lợi-phất) và Maudgalyayana (Mục-kiền-liên), cùng với hai ngàn đồ chúng của họ đã quy y theo ngài.

Đức vua cha Suddhodana, ban đầu vẫn sàu khổ vì quyết định từ bỏ hoàng thành mà xuất gia của con, nên đã giữ khoảng cách, nhưng sau đó đã trở thành tín đồ của ngài. Mẹ kế của ngài là bà Mahaprajapati, phu nhân của ngài là công chúa Yashodhara và rất nhiều người thuộc dòng họ Thích-ca bắt đầu theo ngài. Ngoài ra cũng còn rất nhiều người khác cũng đã trở thành tín đồ trung thành của ngài.

Đức Phật Lịch sử

7. Suốt 45 năm liên tục chu du giáo hoá, bảy giờ đức Thế Tôn đã tám mươi tuổi, khi trên đường đi từ thành Rajagriha đến thành Shravasti (Xá-vệ) ngài mắc bệnh tại Vaisali (Tỳ-xá-ly), và tiên tri rằng, 3 tháng sau ngài sẽ nhập niết-bàn. Ngài vẫn tiếp tục lên đường đến Pava, ở đó, ngài cảm thấy bệnh tình trở nặng sau khi thọ nhận thực phẩm cúng dường của bác thợ rèn tên là Chunda (Thuần-đà). Cuối cùng, cho dù cơn đau nặng hơn và sức khoẻ yếu đi, ngài cũng đã đến được khu rừng Sala bên thành Kusinagara.

Đức Thích Tôn nằm nghỉ dưới tán hai cây Sala, ngài vẫn tiếp tục nói pháp cho hàng đệ tử cho đến giờ phút chót. Và rồi ngài đi vào cõi niết-bàn tịch diệt, hoàn thành sứ mệnh đại đạo sư của thế gian này.

8. Người dân thành Kusinagara đã làm lễ trà tỳ (hoả táng) cho ngài dưới sự chỉ đạo của Ananda, vị đệ tử thị giả của ngài.

Lúc bảy giờ, Vua Ajatasatru (A-xà-thế) quốc vương Magadha và bảy vị quốc vương ở các nước lân cận đến thỉnh cầu phân chia di cốt của Phật. Ban đầu, người dân thành Kusinagara đã khước từ và việc từ chối này đã thậm chí dẫn đến chiến tranh. Nhưng sau đó, nhờ lời khuyên của hiền giả Drona, mâu thuẫn đã được hoà giải và di cốt đã được chia đều cho tám quốc gia lớn này. Ngoài ra, cũng có thêm 2 vị vua nhận lấy tro từ giàn thiêu và bình đựng di cốt để đem về nước mình thờ phụng. Thế là trên thế gian có mười ngôi đại tháp phụng thờ tro cốt của đức Phật.

Tiết 2: Những Lời Dạy Cuối Cùng

1. Trong những lời dạy cuối cùng cho các đệ tử khi đức Thế Tôn ở dưới cây Sala tại Kusinagara, ngài có nói rằng:

“Này các con, hãy là ngọn đèn của chính mình, hãy nương tựa chính mình, đừng nương tựa vào ai khác. Hãy lấy giáo pháp này làm ngọn đèn, làm nơi nương tựa, đừng nương tựa vào lời dạy nào khác.

“Hãy quán sát thân mình, nghĩ đến sự ô uế của nó, biết rằng cả cái khổ và cái vui cũng đều là nguyên nhân của khổ, sao có thể ham muốn hưởng thụ? Hãy quán sát tâm mình, biết trong đó không có bản ngã, sao có thể ảo tưởng về nó mà ôm niềm tự hào hay ích kỷ. Nếu biết như thế thì có thể đoạn trừ tất cả khổ. Sau khi ta diệt độ, nếu vâng giữ lời dạy này thì đích thực đó là đệ tử của ta.”

2. “Này các con, đừng bao giờ quên hay từ bỏ những gì ta đã dạy, phải thường gìn giữ, tư duy và thực hành nó. Nếu các con thực hành theo giáo pháp này sẽ thường được an vui.

“Mục đích của giáo pháp này là để rèn luyện tự tâm. Hãy chế ngự dục vọng và giữ gìn chánh hạnh. Tâm hồn các con sẽ trong sạch và lời nói sẽ đáng tin cậy. Hãy luôn nghĩ đến vô thường, các con sẽ có thể từ bỏ được tham sân, và có thể tránh được những điều ác.

“Nếu các con biết rằng mình bị cám dỗ và vướng vào tham

Đức Phật Lịch sử

lam, thì phải kiềm chế và kiểm soát sự căm dỗ ấy. Đừng chạy theo. Các con cần phải làm chủ tâm mình.

“Tâm con người có thể biến con người ta thành Phật, và cũng có thể biến con người ta thành súc sinh. Mê muội thì thành quỷ, giác ngộ thì thành Phật, tất cả đều do tâm này. Do đó, hãy kiểm soát tâm, đừng để nó chệch ra khỏi con đường chân chánh”.

3. “Này các con, hãy vâng theo lời ta dạy, hoà kính lẫn nhau, kiềm chế đừng tranh cãi nhau. Hãy hoà hợp với nhau như nước với sữa, đừng nghịch ghét nhau như nước với dầu.

“Hãy cùng nhau gìn giữ, học tập và thực hành Phật pháp. Đừng phí thời gian và xao nhãng tâm trí vào những điều vô bổ hay những tranh cãi. Hãy thương thức đạo mầu có được từ sự thực hành con đường chân chánh này.

“Ta đã tự mình chứng ngộ con đường này và đã nói cho các con, các con cần phải thường thực hành và gìn giữ.

“Nếu các con quên điều này thì có nghĩa là các con chưa bao giờ thật sự gặp ta, các con cách xa ta cho dù các con có ở cạnh ta; nhưng nếu các con vâng theo và thực hành theo giáo pháp này thì các con đang rất gần ta cho dù ở cách xa ta.”

4. “Này các con, giờ ta vào niết-bàn sắp đến, giờ phút

chia tay sắp đến. Nhưng các con đừng than khóc. Cuộc đời là vô thường. Không ai được sinh ra mà không chết. Nay thân ta sắp rời rạc như cỗ xe sắp hư hỏng, chính giờ đây cho thấy đạo lý vô thường.

“Các con đừng than khóc vô ích, nên biết chấp nhận rằng trên đời này không có gì là thường hằng, hãy biết rằng đời người sẽ trở về không. Mong điều vô thường đừng thay đổi là ước mong phi lý.

“Con quý dục vọng luôn chờ các con sơ hở để đánh bại tâm các con. Cũng giống như nếu trong nhà có con rắn độc, muốn được yên ngủ thì trước hết phải đuổi con rắn ấy ra.

“Các con cần phải dẹp bỏ phiền não dục vọng, xua đuổi nó như xua đuổi con rắn độc kia. Hãy tích cực phòng hộ tâm mình.”

5. “Này các con, giờ phút cuối cùng đã đến, nhưng các con đừng quên rằng cái chết chỉ là sự chấm dứt thân thể vật lý này. Thân thể là do cha mẹ sinh ra, được nuôi dưỡng bởi thức ăn, và đương nhiên cũng không tránh khỏi bệnh và chết.

“Nhưng thân thể thật sự của Phật không phải là nhục thể bình thường, mà là sự giác ngộ. Dù thân thể có chết đi nhưng trí giác ngộ thì sẽ còn mãi mãi, nơi giáo pháp và nơi sự thực hành pháp. Những ai chỉ nhìn thấy nhục thể của ta thì không phải thấy ta, chỉ những ai hiểu biết về lời dạy của ta mới thật sự thấy được ta.

Đức Phật Lịch sử

“Sau khi ta diệt độ, giáo pháp mà ta để lại là thầy của các con. Hãy vâng theo gìn giữ và như thế là các con đã làm đúng lời ta.

“Này các con, suốt 45 năm qua, những gì cần nói ta đã nói, những gì cần làm ta đã làm. Không có gì che dấu cả; tất cả đã được nói ra công khai rõ ràng.

“Này các con yêu quý, đây là phút cuối cùng. Ta sẽ vào niết-bàn. Trên đây là giáo giới của ta.”

Chương thứ hai

Đức Phật Vĩnh Hằng

Tiết 1: Từ Bi và Thệ Nguyện

1. Tâm của Phật đại từ đại bi. Đại từ là dùng mọi phương tiện để cứu độ chúng sanh, đại bi là đau với cái đau của chúng sanh, khổ với nỗi khổ của chúng sanh.

Có câu rằng “Nỗi khổ của chúng sanh là nỗi khổ của Phật, hạnh phúc của chúng sanh là hạnh phúc của Phật”. Cũng giống như người mẹ luôn thương con nhỏ, tâm của Phật luôn thương yêu, che chở cho chúng sanh, không hề xao nhãng, vì lòng từ ấy là bản chất của Phật.

Lòng từ bi của Phật khởi lên tùy theo nguyện cầu của chúng sanh, nhờ cảm được từ bi này mà con người ta sanh tín tâm, và nhờ tín tâm mà được sự giác ngộ. Cũng giống như vì tình yêu thương đối với con mà người mẹ thể hiện tình mẹ, và đưa trẻ khi cảm nhận được tình yêu ấy thì sẽ thấy bình yên.

Tuy nhiên, chúng sanh không hay biết lòng từ bi này của Phật, và do sự vô tri ấy mà cứ phải chịu khổ bởi vô minh và dục vọng. Chịu những quả báo của nghiệp do tham chấp thế tục và quẩn quanh nơi những ngọn núi si mê với gánh nặng ác nghiệp của mình.

2. Lòng từ bi của Phật không phải chỉ trong đời sống hiện tại này mà vốn đã có từ vô thủy, từ khi loài người do vô

Đức Phật Vĩnh Hằng

minh mà lạc lối. Đó là lòng từ bi vượt thời gian của đức Phật Vĩnh Hằng.

Đức Phật Vĩnh Hằng thì khi nào cũng sẵn sàng xuất hiện, ngài hiện thân rất gần gũi với chúng sanh, dùng nhiều phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sanh.

Thị hiện đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sinh ra làm thái tử dòng tộc Shakya, xuất gia, thực hành khổ hạnh, chứng ngộ thánh đạo, thuyết pháp rồi cuối cùng là niết-bàn.

Do vô minh của chúng sanh là vô tận nên sự thị hiện của Phật cũng vô tận, do tội lỗi của chúng sanh nhiều vô cùng nên từ bi của Phật cũng vô cùng.

Khi bắt đầu tu hành, đức Phật đã phát khởi bốn đại nguyện: thứ nhất là nguyện cứu độ tất cả chúng sanh, thứ hai là nguyện đoạn trừ tất cả phiền não, thứ ba là nguyện học tất cả các pháp môn, thứ tư là nguyện thành chánh giác vô thượng. Ngài đã tu hành theo bốn lời thệ nguyện này. Những lời nguyện này là biểu hiện của lòng từ bi trên nền tảng căn bản Phật tính.

3. Khi ngài phát nguyện thành Phật, ngài đã tu hạnh không sát sanh và nguyện nhờ công đức đó mọi người có thể biết được điều tốt lành của sự trường thọ.

Ngài đã tu hạnh không trộm cắp và nguyện nhờ công đức đó mọi người được như sở cầu.

Ngài tu hạnh không tà hạnh và nguyện nhờ công đức đó

Đức Phật Vĩnh Hằng

mọi người có thể biết được điều tốt lành từ tâm hồn trong sạch và không phải chịu đựng tham tâm vô độ.

Ngài tu hạnh không nói lời hư dối và nguyện nhờ công đức đó mà mọi người biết sự an tịnh của tâm để nói lời chân thật.

Ngài tu hạnh không nói hai chiều và nguyện nhờ công đức đó mà mọi người có thể biết được niềm vui của sự hoà kính.

Ngài tu hạnh không nói lời ác và nguyện nhờ công đức đó mọi người có tâm an tĩnh để sống với nhau trong hoà bình.

Ngài tu hạnh không nói điều vô ích và nguyện nhờ công đức đó mà con người biết được điều tốt lành từ sự cảm thông.

Ngài tu hạnh từ bỏ lòng tham và nguyện nhờ công đức đó mà con người biết được sự an tĩnh do không còn tâm tham.

Ngài tu hạnh từ bỏ tâm oán ghét và nguyện nhờ công đức đó mà con người yêu thương lẫn nhau.

Ngài tu hạnh từ bỏ sự si mê và nguyện nhờ công đức đó mà con người có hiểu biết và không coi thường đạo lý nhân quả.

Như thế, lòng từ bi của đức Phật là hướng đến mọi người. Bản chất của lòng từ bi ấy là vì hạnh phúc cho chúng sanh. Phật thương chúng sanh như cha mẹ thương con nên thế nguyện cứu độ chúng sanh khỏi biển mê sanh tử.

Tiết 2: Cứu Khổ và Ban Vui

1. Nếu đứng bên kia bờ mà cất tiếng gọi những con người đang hụp lặn trong biển mê thì họ khó lòng mà nghe được. Nên đức Phật phải tự mình trở lại cõi đời này và dùng phương tiện để mà hoá độ họ.

Có câu chuyện rằng: Có một ông trưởng giả ở một thành phố nọ, nhà ông gặp hoả hoạn. Ông đi từ phương xa về đến nhà, thấy nhà đang bốc cháy mà những người con của ông mãi ham chơi, không để ý đến lửa, nên vẫn còn ở trong căn nhà đang cháy. Người cha gọi các con rằng: “Này các con, hãy chạy mau ra”, nhưng những người con không hề để ý đến ông.

Người cha lo lắng gọi các con một lần nữa: “Này các con, ở đây có nhiều đồ chơi đẹp lắm, mau ra đây mà nhận”. Những người con nghe có đồ chơi đẹp nên liền chạy ra, thoát khỏi ngôi nhà đang cháy.

Cõi đời này cũng như ngôi nhà đang cháy, nhưng con người không hề biết là nhà đang cháy, không biết là đang sống trong mối nguy hiểm chết cháy. Nên đức Phật vì lòng từ bi mà dùng phương tiện hoá độ mọi người.

2. Lại có một câu chuyện rằng: Ngày xưa có ông trưởng giả giàu có, có một người con trai bỏ nhà mà đi và lâm vào cảnh bần cùng.

Người cha đi khắp nơi tìm con, dù đã rất cố công tìm kiếm

mà không tìm thấy.

Người con trai trải qua mấy chục năm, cuộc sống dần dần lâm vào cùng khổ, thế rồi cậu ta lang thang đến gần chỗ người cha đang ở.

Người cha liền nhận ra con mình và sai những người hầu của ông đến dẫn con về. Người con trai vốn đã là kẻ lang thang, khiếp đảm vì dinh thự tráng lệ, anh ta lo sợ họ lừa gạt nên đã không chịu đi.

Người cha một lần nữa sai những người hầu đến bảo là thuê anh ta làm công cho một ông chủ giàu có. Người con liền nhận lời làm thuê và theo những người hầu về nhà của cha anh để làm thuê.

Người cha dần dần nâng đỡ anh ta, cho đến giao cho anh ta trông coi tất cả cửa cải và kho báu, nhưng anh ta vẫn không biết mình là con của chủ nhà.

Người cha vui mừng vì con trai trung thực. Và khi biết rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ qua đời. Ông gọi tất cả bà con và bạn bè đến và nói với họ rằng: “Thưa quý vị, đây là đứa con một của tôi, đứa con mà tôi đã tìm kiếm bao nhiêu năm. Từ nay trở đi tất cả tài sản và kho báu của tôi đều thuộc về con tôi đây”.

Người con trai kinh ngạc về thổ lộ của cha, anh ta thốt lên: “bây giờ tôi không những tìm thấy cha tôi mà còn được tất cả tài sản kho báu này!”

Người cha giàu có ở đây là ví dụ cho đức Phật, và người

Đức Phật Vĩnh Hằng

con trai lang thang là ví dụ cho tất cả chúng sanh. Lòng từ bi của đức Phật đối với chúng sanh cũng giống như tình cha đối với đứa con một. Với tình yêu đó, đức Phật đã dùng nhiều phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chúng sanh, chỉ dạy và làm cho chúng sanh trở thành người giàu có, có cả kho báu giác ngộ.

3. Lòng từ bi của đức Phật đối với chúng sanh là bình đẳng, tùy theo tư chất khác nhau của chúng sanh mà cách cứu độ có khác nhau. Cũng như cùng một cơn mưa xuống, tùy theo mỗi loài cây khác nhau mà nhận lấy lợi ích khác nhau.

4. Tình yêu của cha mẹ dành cho con cái là không khác nhau, nhưng trong những người con đó, nếu có đứa bị bệnh thì tình cảm ưu tiên dành cho người con đó hơn.

Dù lòng đại bi của đức Phật dành cho chúng sanh là bình đẳng, nhưng đối với những kẻ si mê, kẻ tội nặng và đang chịu khổ thì ngài đặc biệt quan tâm hơn.

Như khi vầng thái dương xuất hiện phía trời đông thì bóng tối biến mất, không hề có sự thiên vị đối với khu vực nào. Cũng thế, lòng từ bi của đức Phật bao trùm tất cả chúng sanh, làm mất đi cái ác, dưỡng thành cái thiện, thấm nhuần ánh sáng của trí huệ, diệt trừ bóng tối của vô minh, làm cho đạt thành quả vị giác ngộ.

Đức Phật là người cha đầy lòng từ ái, là người mẹ đầy lòng

Đức Phật Vĩnh Hằng

bi mãi. Bằng tâm từ bi đối với chúng sanh, đức Phật dốc lòng vì tất cả họ. Nếu không có lòng từ bi của Phật thì chúng sanh không thể được cứu độ. Tất cả chúng sanh là con của Phật và đều nhận được phương tiện cứu độ của ngài.

Tiết 3: Đức Phật Vĩnh Hằng

1. Thông thường mọi người đều nghĩ rằng đức Phật được sinh ra là thái tử, xuất gia rồi ngộ đạo, nhưng thật ra đức Phật vốn đã thành Phật từ vô thủy kiếp.

Từ vô thủy, đức Phật đã luôn ở nơi cõi đời này, ngài là đức Phật Vĩnh Hằng, hiểu hết căn tánh của tất cả chúng sanh, dùng tất cả phương tiện để mà cứu độ.

Giáo pháp vĩnh cửu mà đức Phật tuyên thuyết là không hư dối. Bởi vì đức Phật biết tất cả sự việc trong đời đúng như thật và chỉ dạy pháp ấy cho tất cả mọi người.

Thật vậy, việc biết đúng như thật sự việc trong đời là điều khó, bởi vì những điều nơi thế giới này thấy đúng chưa hẳn đúng, thấy sai cũng chưa hẳn sai. Người phàm không thể biết được sự thật của thế giới này.

Chỉ có đức Phật mới biết đúng và biết như thật thế giới này. Do đó đức Phật không nói sự việc trong cuộc đời này là thật, cũng không nói là hư, cũng không nói là thiện, cũng không nói là ác, ngài chỉ mô tả thế giới này đúng như chính nó.

Những gì đức Phật dạy là: “tất cả chúng sanh cần phải gieo trồng thiện căn tùy theo căn cơ, hành nghiệp và lòng tin của mình”.

2. Những gì đức Phật dạy không chỉ có bằng lời mà còn bằng cả cuộc đời của ngài. Mặc dù thọ mạng của ngài là vô

tận, nhưng vì để cảnh tỉnh con người lắm tham dục nên đức Phật phương tiện thị hiện nhập diệt.

Cũng giống như có vị lương y có nhiều con, khi ông đi xa nhà thì những người con liền uống nhầm phải thuốc độc. Khi vị lương y trở về, biết bệnh của chúng và cho chúng thuốc giải. Trong những người con này có người chưa mất tâm trí thì uống thuốc ấy và khỏi độc, tuy nhiên cũng có những người đã mất trí nên không chịu uống thuốc.

Người cha làm nghề y này vì muốn chữa lành bệnh cho con nên quyết định dùng phương pháp cứng rắn. Ông bảo các con rằng: “Nay cha phải đi xa. Cha già rồi, chắc một ngày nào đó cũng sẽ chết. Nếu cha còn sống với các con thì cha có thể chăm sóc các con, nhưng nếu cha chết thì các con sẽ phải khôn đốn. Nếu các con nghe cha chết, mong các con hãy uống những thuốc này, các con sẽ khoẻ mạnh”. Nói xong ông ra đi, sau đó sai sứ về bảo với các con rằng ông đã chết.

Những người con khi nghe cha chết thì vô cùng đau buồn. Họ khóc than rằng: “cha mất rồi còn có ai trên đời này để chúng ta nhờ cậy nữa”. Trong đau buồn và tuyệt vọng, họ nhớ đến lời cha dặn, liền uống thuốc và được lành bệnh.

Có lẽ không ai trách người cha lương y nọ nói dối. Đức Phật cũng như người cha này, ngài cũng vì cứu giúp những chúng sanh luôn tham đắm trong dục lạc mà tạm thị hiện sanh - tử trong cõi đời này.

Chương thứ ba

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

Tiết 1: Ba Thân của Phật

1. Không thể tìm thấy đức Phật bằng hình dáng hay đặc trưng bên ngoài. Bởi vì hình dáng bên ngoài không phải là đức Phật thật. Đức Phật thật chính là sự giác ngộ. Do đó người nào hiểu được sự giác ngộ thì mới đúng là thấy được đức Phật.

Nếu ai đó nhìn thấy một vài tướng mạo ưu việt của Phật và tự nghĩ là đã biết Phật thì kẻ ấy đã sai lầm bởi nhãn quan vô minh. Do vì hình tướng thật sự của đức Phật thì không hề được thể hiện bằng hình tướng bên ngoài, mắt của người phàm không thể thấy được. Cho dù có được mô tả mỹ miều đến chừng nào cũng không thể hiểu biết được Phật. Bởi vì ngôn ngữ thế gian không thể mô tả hết được về ngài.

Nói đến hình tướng chân thực của Phật, thật ra, phàm cái gì có hình tướng thì không phải là Phật. Tuy nhiên, con người có thể hình dung Phật với mọi hình tướng đẹp đẽ mà mình có thể nghĩ.

Do đó, nếu những ai nhìn hình tướng của đức Phật một cách rõ ràng, mà không câu nệ hình tướng, thì người đó có thể thấy và biết về ngài.

2. Thân của Phật là chính sự giác ngộ. Là vô hình tướng, vô chất liệu, nên thân ấy tồn tại vĩnh hằng. Không phải là

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

thân vật lý được nuôi dưỡng bằng thức ăn, mà là thân vĩnh hằng được hình thành từ trí tuệ. Nên đức Phật Vĩnh Hằng là vô ưu, vô bệnh, vĩnh viễn bất biến.

Do đó, đức Phật Vĩnh Hằng là vĩnh viễn. Nếu ánh sáng giác ngộ không biến mất trên cõi đời này thì đức Phật Vĩnh Hằng cũng không mất. Ánh sáng giác ngộ này được biểu hiện bằng ánh sáng trí tuệ, ánh sáng ấy thức tỉnh con người bước vào cuộc đời tươi mới, và làm cho con người sanh vào cõi Phật.

Những ai hiểu được điều này chính là đệ tử của Phật, thọ trì lời Phật dạy, phụng hành giáo pháp ngài và truyền trao cho hậu thế. Không có gì kỳ diệu hơn thần lực của Phật.

3. Đức Phật có ba thân. Đó là Pháp thân (dharma-kāya), Báo thân (hay Thọ Dụng thân, sambhoga-kāya) và Ứng Hoá thân (nirmāṇa-kāya).

Pháp thân có nghĩa là chất liệu của thân là Pháp, đó chính là chất liệu của chân thật. Về mặt bản chất, Phật không sắc cũng không hình. Do vì không có hình tướng và sắc tướng nên không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Như hư không phổ chiếu lên mọi sự vật. Vì hiện hữu trên tất cả vạn vật nên ngài không hề thiếu gì.

Không vì con người nghĩ có Phật mà có, con người nghĩ ngài không có mà không. Không phải khi con người vui là đến, con người sao nhãng là đi. Phật là Phật, ngài hiện hữu vượt trên mọi chuyển biến tư tưởng của con người.

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

Pháp thân này của Phật biến mãn cùng khắp mọi nẻo trên thế gian, đến tất cả mọi nơi, vĩnh viễn tồn tại bất luận là con người có tin tưởng sự hiện hữu ấy hay không.

4. Báo thân có nghĩa là, pháp thân vô hình tướng của Phật thị hiện thành hình tướng, là sự hợp nhất của từ bi và trí tuệ của Phật để cứu độ chúng sanh, Phật có hình tướng ấy có sanh, có tử, có phát nguyện, có hành hạnh, có tên gọi....

Đức Phật Báo thân này có đại từ bi, cứu giúp vô số chúng sanh bằng nhiều phương tiện khác nhau. Cũng như ngọn lửa thiêu cháy tất cả mọi thứ, lòng từ bi của ngài thiêu rụi tất cả phiền não của chúng sanh. Hay cũng như ngọn gió cuốn đi tất cả bụi bặm, lòng từ của ngài cuốn đi bụi trần khổ lụy của con người.

Ứng Hoá thân của đức Phật là, với mục đích hoàn thành sự cứu độ ứng với năng lực của ngài, để phù hợp với con người, đức Phật thị hiện sắc thân nơi cõi đời này, đản sinh, xuất gia, thành đạo, dùng nhiều phương tiện để dẫn dắt chúng sanh, thị hiện bệnh và chết để cảnh tỉnh chúng sanh.

Thân của Phật vốn dĩ chỉ có một, đó là Pháp thân, nhưng vì căn cơ con người mỗi mỗi có khác nhau nên đức Phật cũng thị hiện nhiều thân khác nhau. Tùy theo lòng mong cầu, nghiệp lực và khả năng mà mỗi người nhìn thấy Phật khác nhau, nhưng đức Phật thì chỉ cho thấy một sự thật.

Dù thân Phật được phân thành ba nhưng chỉ có một mục

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

đích duy nhất, đó là để cứu độ tất cả chúng sanh.

Với sắc thân ưu việt vô hạn và thị hiện ra nơi mọi cảnh giới thì thân ấy cũng không phải thật sự là thân Phật. Vì thân Phật không phải nhục thân. Thân Phật là thân giác ngộ, biến mãn khắp mọi nơi, Phật ấy thường xuất hiện trước những ai nhìn thấy sự thật.

Tiết 2: Sự Xuất Hiện của Đức Phật

1. Đức Phật xuất hiện trong cõi đời này là điều hy hữu, nay đã xuất hiện nơi cõi đời này, đã chứng đắc giác ngộ, đã thuyết pháp, đã đoạn lười nghi, đã nhổ tận gốc ái dục, đã bít chặt căn nguyên tội ác. Hoàn toàn không bị chướng ngại, đi trong cõi đời này một cách tự do tự tại. Trên thế gian này không có gì đáng tôn kính hơn đức Phật.

Đức Phật thị hiện nơi cõi đời này là để thuyết pháp, làm lợi ích cho con người, Vì ngài không thể từ bỏ những chúng sanh đang chịu khổ não nên ngài đã thị hiện nơi cõi đời đau khổ này.

Nơi cõi đời không có đạo lý, đầy điều bất chính, dục tham không chán, thân tâm đoạ lạc, mạng sống ngắn ngủi. Vận chuyển chánh pháp quả là điều vô cùng khó khăn. Nhưng vì lòng đại bi, đức Phật đã chiến thắng được những khổ nạn này.

2. Trong cõi đời này, đức Phật là bạn lành của tất cả chúng sanh. Dù là người có gánh nặng phiền não mà nếu gặp được Phật thì sẽ cảm thấy được nhẹ nhàng như thể là gánh nặng ấy được đức Phật gánh hộ.

Đức Phật là thầy của chúng sanh trong cõi đời này. Dù là người đau khổ si mê mà nếu gặp được Phật thì bóng tối si mê ấy sẽ được xoá sạch nhờ ánh sáng trí tuệ của ngài.

Như con bê không rời bò mẹ, những ai có học Phật pháp sẽ

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

không rời xa Phật. Vì việc học hỏi giáo lý của ngài thì thường được an vui.

3. Khi mặt trăng lặn, người ta nói rằng mặt trăng không còn, khi mặt trăng lên người ta nói là mặt trăng xuất hiện. Nhưng thật ra mặt trăng khi nào cũng tồn tại, không có mất. Đức Phật cũng như thế, khi nào cũng hiện hữu, không sanh diệt, chỉ vì để giáo hoá con người nên thị hiện sự sanh sự diệt mà thôi.

Con người cho rằng có mặt trăng đầy, mặt trăng khuyết, nhưng thật ra mặt trăng thường tròn đầy, không tăng, không giảm. Đức Phật cũng như thế, ngài luôn hiện hữu, không sanh không diệt, nhưng chỉ vì cái thấy của con người nên có sanh có diệt mà thôi.

Mặt trăng thường hiển hiện trên muôn vật, trên thành quách, trên thôn mạc, trên rừng núi, trên sông ngòi..., nó được nhìn thấy cả trong ao hồ, hay trong chậu nước, hay nơi hạt sương đọng trên lá cây. Dù cho con người có đi đến vạn dặm thì trăng cũng đi theo. Mặt trăng vốn không thay đổi nhưng tùy theo người nhìn trăng mà có thay đổi. Đức Phật cũng như thế, tùy theo nhãn quan của con người trong thế gian này mà có hiện thân, chứ đức Phật luôn luôn hiện hữu không có sự biến đổi.

4. Đức Phật dù có xuất hiện nơi cõi đời này hay diệt khứ khỏi cõi đời này thì cũng không lìa nhân duyên. Khi hợp thời để cứu độ chúng sanh thì ngài đến, tức xuất hiện

Hình Tướng và Uy Đức Của Phật

nơi cõi đời này, khi nhân duyên ấy hoàn mãn thì ngài đi, tức diệt khứ khỏi cõi đời này.

Dù đức Phật thị hiện cái sanh cái diệt, nhưng thật ra tánh Phật thì thường hằng như thế. Biết được điều này người con Phật nên thực hành con đường giác ngộ để chứng đắc trí tuệ vô thượng, không lo sợ, không sầu bi về sự đổi thay của muôn vật, về cái sanh cái diệt mà Phật thị hiện.

Trên đây đã trình bày về thân Phật, đó chính là sự giác ngộ chứ không phải nhục thân. Nhục thân chẳng qua chỉ là dung khí, vật chứa đựng, nếu ở đó tràn đầy sự giác ngộ thì được gọi là Phật. Do đó, những ai chấp vào nhục thân Phật mà bi quan về sự tịch diệt của ngài là chưa thể nhìn thấy đức Phật thật.

Thực ra, hình tướng chân thực của sự vật là bình đẳng, vượt ra khỏi sự phân biệt về thiện ác, đến đi, sanh diệt. Những phân biệt này là do thiên kiến của con người. Hình tướng của đức Phật thật ra cũng không hiển hiện không ẩn mất.

Tiết 3: Đức Độ Của Phật

1. Đức Phật là bậc đáng được tôn kính, có đầy đủ năm đức. Đó là, (1) phẩm hạnh thù thắng, (2) kiến giải thù thắng, (3) trí tuệ thù thắng, (4) có thể giảng nói đạo giác ngộ, (5) có khả năng dẫn dắt chúng sanh thực hành lời dạy chơn chánh ấy.

Ngoài ra, Phật cũng có tám năng lực siêu việt. Đó là (1) ngài có thể mang lại hạnh phúc và lợi ích cho con người, (2) lời dạy của ngài có ích thiết thực cho cuộc đời, (3) có khả năng giảng dạy đúng đắn về thiện ác, chánh tà trong cuộc đời, (4) có khả năng giảng dạy chánh đạo đưa con người đến với giác ngộ, (5) đối với bất cứ ai cũng bình đẳng chỉ dạy một con đường, (6) đức Phật không có tâm cao ngạo, (7) đức Phật làm đúng như đã nói và nói đúng như đã làm. (8) không mê mờ, đầy ắp hạnh nguyện và thực hành nó một cách trọn vẹn.

Lại nữa, đức Phật vào thiền định, giữ được trạng thái tĩnh lặng và yên bình, đối với chúng sanh ngài trải tâm từ, tâm bi, tâm không chấp trước. Làm sạch nhiễm ô nơi tâm của chúng sanh và mang lại hạnh phúc cho những tâm hồn thanh sạch.

2. Phật là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Sau khi đưa con được sinh ra, khoảng 16 tháng sau đó, cha mẹ phải nói với con như ngôn ngữ của trẻ. Rồi từ đó dạy cho con học nói. Đức Phật cũng thế, ngài đã giảng dạy giáo pháp bằng

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

ngôn ngữ của loài người, thị hiện thân tướng như cái thấy của con người, rồi đem con người đến cảnh giới an lành và bình yên.

Lại nữa, đức Phật thuyết pháp bằng ngôn ngữ của ngài nhưng chúng sanh tùy theo căn tánh của mình mà nghe pháp ấy và hoan hỷ rằng đức Phật đang nói pháp cho chỉ mình mình nghe.

Cảnh giới của đức Phật siêu việt khỏi cái biết của con người, nên không thể diễn tả bằng lời nói, mà chỉ có thể thể hiện bằng ví dụ.

Dòng sông Hằng (Ganges) luôn bị khuấy đục bởi các loài rùa cá, ngựa voi nhưng dòng sông ấy vốn thường trong sạch. Đức Phật được ví như dòng sông này, các ngoại đạo được ví như các loài rùa cá ấy, thường đến nhiều loạn nhưng không hề làm cho ngài lung lạc. Dòng Phật pháp vẫn chảy, không hỗn loạn mà sạch trong.

3. Trí huệ của Phật thấu hiểu hoàn toàn các đạo lý, rời xa hai cực đoan và giữ chừng mực trung đạo. Trí huệ ấy siêu việt trên mọi văn tự, hiểu thấu hết tư duy và tình cảm của con người, hiểu biết mọi thứ trên thế giới này chỉ trong một sát-na.

Như những ánh sao trên bầu trời phản chiếu xuống biển lớn tĩnh lặng, tư duy và tình cảm của con người, cũng như tất cả mọi thứ trên thế gian này hiển hiện đúng như thật trong biển trí huệ của đức Phật. Cho nên ngài được gọi là đáng

Nhất Thiết Tri.

Trí tuệ của đức Phật làm tươi mát tâm hồn khô cằn của chúng sanh, soi sáng cho chúng sanh, dạy bảo cho chúng sanh về nghĩa lý, về sự thanh suy, về đạo lý nhân quả trong cuộc đời này. Và chính nhờ trí tuệ ấy của Phật mà con người hiểu biết hơn về cuộc đời.

4. Không phải lúc nào đức Phật cũng thị hiện là Phật, có khi thị hiện thành ác ma, có khi thành hình tướng chư thần, có khi hiện thân nam, có khi hiện thân nữ.

Đối với trường hợp có bệnh ngài hiện thành thầy thuốc, cho thuốc và thuyết pháp. Khi có chiến tranh xảy ra thì nói điều chơn chánh làm mọi người tránh xa tai ách. Đối với người cố chấp ngài nói đạo lý vô thường. Đối với trường hợp cao ngạo ngài nói vô ngã. Đối với kẻ bị trói buộc trong thú vui thế tục ngài nói rõ dạng tướng khổ não của cuộc đời.

Như thế, sở hành của đức Phật hiển hiện trên mọi sự vật của cuộc đời. Tất cả đều lưu xuất ra từ uyên nguyên pháp thân. Thọ mạng vô hạn của ngài, quang minh vô hạn của ngài, nguồn mạch ấy là từ nơi pháp thân của Phật.

5. Thế gian này như ngôi nhà lửa bất an. Con người trong đó bị bao vây bởi bóng tối vô minh, phần nộ, thất vọng, đố kỵ, bị chìm đắm trong các phiền não. Như đứa bé cần mẹ, con người cần phải nương nhờ vào lòng từ bi của đức Phật.

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

Đức Phật chính là bậc thánh trong tất cả các bậc thánh. Ngài là cha của chúng sanh nơi thế giới này, và tất cả chúng sanh là con của Phật. Thế giới này đang cháy bởi sự suy vong và chết chóc, cái khổ tràn lan. Nhưng con người mãi mê tìm kiếm niềm vui vô ích, họ không có trí huệ để hiểu biết được tai ách này.

Đức Phật đã nhìn thấy thế giới si mê này thật sự là ngôi nhà đang cháy, ngài đã ra khỏi nhà lửa ấy và ở trong rừng tịch tĩnh. Nhưng với lòng đại từ bi muốn cứu giúp chúng sanh, ngài nói rằng: “thế giới vô thường và đau khổ này là của ta, chúng sanh trong đó là con của ta, việc cứu giúp những si mê và đau khổ trong đó chính là công việc của ta”.

Đức Phật là vị đại pháp vương, có thể nói pháp cho chúng sanh như ngài muốn. Đức Phật xuất hiện trong cõi đời này là để làm an vui cho chúng sanh. Đức Phật nói pháp là để cứu chúng sanh ra khỏi các khổ. Nhưng vì chúng sanh bị các dục dẫn dắt nên họ không muốn nghe lời dạy của ngài.

Tuy nhiên, những ai hoan hỷ nghe được lời dạy ấy thì nhất định sẽ thoát khỏi cuộc đời khổ não và mê vọng. Đức Phật dạy: “con người có thể bước vào trong giáo pháp của ta nhờ niềm tin”, tức tin vào lời dạy của ngài, nhờ niềm tin ấy mà cảm được sự thoả đáng của lời dạy, chứ không phải bằng sự hiểu biết khôn khéo của tự mình. Do đó con người cần phải lắng nghe và thực hành lời Phật dạy.